

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị kim T**, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Có mặt

Bị đơn: Anh **Lê Văn Thành T1**, sinh năm 1988; HKTT: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; địa chỉ tạm trú: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2021. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu chị và anh T1 quyết định chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Thắng, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại ấp Thủ Chánh, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung. Mỗi lần nói chuyện là vợ chồng lại bất đồng, cãi vã. Do không thể tiếp tục chung sống nên chị T và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Văn Thành T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Anh T2, sinh ngày 05/9/2010 và Lê Khả N, sinh ngày 13/01/2019. Chị T yêu cầu nuôi hai chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Thành T1 trình bày: Mặc dù anh T1 đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T1 được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị kim T xin xét xử vắng mặt không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Thành T1 vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Chị T và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên

mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Nguyễn Thị kim T được ly hôn với anh Lê Văn Thành T1.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng nuôi hai con chung Lê Thị Anh T2, sinh ngày 05/9/2010 và Lê Khả N, sinh ngày 13/01/2019, anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con chung Lê Thị Anh T2. Vì vậy, đề nghị HĐXX giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị kim T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Lê Văn Thành T1 có nơi cư trú tại ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn Thành T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị kim T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Chị Nguyễn Thị kim T và anh Lê Văn Thành T1 tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Do không thể tiếp tục chung sống nên anh T1 đã về nhà mẹ ruột sống từ

tháng 10/2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Điều này phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã mở phiên họp và hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho chị T, anh T1 nhưng anh T1 vắng mặt không lý do còn chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, giữa chị T và anh T1 sống ly thân đã lâu, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm nhau nữa và cũng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T cho chị T được ly hôn với anh T1.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T1 có 02 con chung tên Lê Thị Anh T2, sinh ngày 05/9/2010 và Lê Khả N, sinh ngày 13/01/2019. Chị T có yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị T có nguyện vọng nuôi hai con chung, anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Mặt khác cháu Lê Thị Anh T2 có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao 02 con chung Lê Thị Anh T2, sinh ngày 05/9/2010 và Lê Khả N, sinh ngày 13/01/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Không xem xét giải quyết

[8] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị kim T phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị kim T được ly hôn với anh Lê Văn Thành T1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Thị Anh T2, sinh ngày 05/9/2010 và Lê Khả N, sinh ngày 13/01/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị kim T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002639 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M –huyện C-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thị Ngọc Thanh

